

Stagerin

Để xa tâm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

1. Thành phần công thức thuốc:

- Thành phần hoạt chất:
Cinarizin 25 mg

- Thành phần tá dược:
Tá dược vừa đủ 1 viên
(Tá dược: Tinh bột mì, Lactose, Era-gel, Era-tab, Povidone, Talc, Magnesi stearat, Aerosil)

2. Dạng bào chế:

2.1. Dạng bào chế: Viên nén

2.2. Mô tả dạng bào chế: Viên nén màu trắng hình tròn, một mặt viên có khắc chữ CINNARIZIN, mặt kia khắc vạch, cạnh thành viên lảnh lảnh.

3. Chỉ định:

- Phòng say tàu xe.
- Rối loạn tiền đình như chóng mặt, ù tai, buồn nôn, nôn trong bệnh Ménière.
- Rối loạn mạch não và mạch ngoại vi khác.

4. Liều dùng và cách dùng:

4.1. Liều dùng

- Phòng say tàu xe:
+ Người lớn uống 25 mg, 2 giờ trước khi đi tàu xe; sau đó 15 mg, cách 8 giờ một lần trong cuộc hành trình nếu cần.

+ Trẻ em 5 – 12 tuổi: ½ liều người lớn

- Rối loạn tiền đình:

+ Người lớn uống 30 mg, 3 lần mỗi ngày

+ Trẻ em 5- 12 tuổi: ½ liều người lớn

- Rối loạn mạch não: Liều 75 mg, ngày 1 lần

- Rối loạn mạch ngoại vi: Liều 75 mg/lần, 2-3 lần/ ngày.

4.2. Cách dùng: Dùng đường uống, nên uống sau bữa ăn.

4.3. Một số lưu ý đặc biệt về xử lý thuốc trước và sau khi sử dụng:

Chưa tìm thấy thông tin về tương kỵ của thuốc.

5. Chống chỉ định

- Mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc.

- Loạn chuyển hóa porphyrin.

6. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

- Cũng như với thuốc kháng histamin khác, cinarizin có thể gây đau vùng thượng vị. Uống thuốc sau bữa ăn có thể làm giảm kích ứng dạ dày.

- Tránh dùng cinarizin dài ngày ở người cao tuổi, vì nó có thể gây tăng hoặc xuất hiện những triệu chứng ngoại tháp, đôi khi kết hợp với cảm giác trầm cảm trong điều trị kéo dài.

- Thận trọng khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân tiểu đường.

- Vì sản phẩm này có chứa lactose trong thành phần, không dùng thuốc cho những bệnh nhân có vấn đề về di truyền hiếm gặp, không dung nạp galactose, thiếu hụt Lapp lactase hoặc kém hấp thu glucose – galatose.

- Ngoài ra, thuốc còn chứa tinh bột mì, trong tinh bột mì có thể chứa gluten nhưng gluten có thể chứa trong lượng vết. Do đó, chế phẩm là an toàn với các bệnh nhân bị bệnh celiac. Những bệnh nhân bị dị ứng lúa mì (khác bệnh celiac) thì không nên sử dụng chế phẩm này.

7. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

7.1. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai:

Tránh dùng thuốc kháng histamin trong thời kỳ mang thai.

7.2. Thời kỳ cho con bú:

Chỉ dùng cinarizin khi lợi ích điều trị cho mẹ trội hơn nguy cơ có thể xảy ra đối với trẻ.

8. Tác động của thuốc khi lái xe và vận hành máy

Thuốc có thể gây buồn ngủ, đặc biệt khi bắt đầu dùng, cần thận trọng khi lái xe và điều khiển máy móc.

9. Tương tác, tương kỵ của thuốc

9.1. Tương tác của thuốc:

Rượu, thuốc chống trầm cảm ba vòng; Sử dụng đồng thời với cinarizin có thể làm tăng tác dụng an thần của mỗi thuốc nêu trên hoặc của cinarizin.

9.2. Tương kỵ của thuốc:

Chưa tìm thấy thông tin về tương kỵ của thuốc.

10. Tác dụng không mong muốn:

- Thường gặp: Ngủ gà, rối loạn tiêu hóa.

- Ít gặp: Nhức đầu, khô miệng, tăng cân, ra mồ hôi, phản ứng dị ứng.

- Hiếm gặp: Triệu chứng ngoại tháp ở người cao tuổi hoặc khi điều trị dài ngày. Giảm huyết áp (liều cao).

11. Quá liều và cách xử trí:

11.1. Quá liều:

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

11.2. Cách xử trí khi dùng thuốc quá liều:

Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.

12. Thông tin về dược lý, lâm sàng

12.1 Đặc tính dược lực học:

Nhóm dược lý: Kháng Histamin H1

Mã ATC: N07CA02

Dược lý và cơ chế tác dụng:

Cinarizin là thuốc kháng histamin H1, đồng thời có tác dụng chống tiết acetylcholin và an thần. Cinarizin có thể chặn các thụ thể ở cơ quan tận cùng của tiền đình và ức chế sự hoạt hóa quá trình tiết histamin và acetylcholin. Cinarizin được sử dụng để phòng say tàu xe nhờ khả năng dung nạp tốt cũng như ít gây buồn ngủ. Cinarizin cũng được dùng trong các rối loạn tiền đình.

12.2 Đặc tính dược động học:

Sau khi uống, cinarizin đạt được nồng độ đỉnh huyết tương từ 2 đến 4 giờ. Sau 72 giờ, thuốc vẫn còn thải trừ ra nước tiểu. Nửa đời huyết tương của thuốc ở người trẻ tuổi khoảng 3 giờ.

13. Quy cách đóng gói: Hộp 5 vỉ x 10 viên

14. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc

14.1 Điều kiện bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

14.2 Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

14.3 Tiêu chuẩn chất lượng: ĐDVN

15. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TBYT BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)

498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

ĐT: 0256.3846500 - 3846040 * Fax: 0256.3846846